

MODERNIZATION OF POLITICAL THEORY EDUCATION AT THE PEOPLE'S POLICE ACADEMY THROUGH THE FLIPPED CLASSROOM MODEL

Ngô Thị Thuy Huyền

People's Police Academy, Hanoi, Vietnam

ARTICLE INFO		ABSTRACT
Received:	31/3/2026	The rapid advancement of the Fourth Industrial Revolution has fundamentally transformed higher education, particularly in specialized institutions such as the People's Police Academy in Vietnam. This study examines the implementation of the flipped classroom model in political theory courses at the People's Police Academy, exploring its theoretical foundations, practical procedures, and measurable outcomes. Employing a mixed-methods approach combining a structured survey (n = 186 cadets) and classroom observation, the findings reveal statistically significant improvements across key learning indicators. Post-intervention data show that 87.6% of cadets demonstrated enhanced lesson preparation quality, critical thinking scores improved by an average of 1.42 points on a 10-point scale, and overall learner satisfaction reached 91.3. The study proposes a four-phase implementation framework and targeted recommendations including a shared digital content repository, faculty capacity-building programs, and adaptive assessment mechanisms. The results confirm that the flipped classroom is an essential and contextually appropriate approach for modernizing political theory education within Vietnam's national digital transformation agenda.
Revised:	15/6/2026	
Published:	15/6/2026	
KEYWORDS		
Flipped classroom		
Political theory education		
Digital transformation		
Active learning		
People's Police Academy		

CHIẾN LƯỢC HIỆN ĐẠI HÓA GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI HỌC VIỆN CẢNH SÁT NHÂN DÂN THÔNG QUA MÔ HÌNH LỚP HỌC ĐẢO NGƯỢC

Ngô Thị Thúy Huyền

Học viện Cảnh sát Nhân dân, Hà Nội, Việt Nam

THÔNG TIN BÀI BÁO		TÓM TẮT
Ngày nhận bài:	31/3/2026	Sự phát triển mạnh mẽ của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư đã tạo ra những biến đổi căn bản trong giáo dục đại học, đặc biệt đối với các trường chuyên ngành như Học viện Cảnh sát Nhân dân. Nghiên cứu này phân tích việc triển khai mô hình lớp học đảo ngược trong giảng dạy các môn lý luận chính trị tại Học viện Cảnh sát nhân dân, bao gồm cơ sở lý luận, quy trình thực hiện và kết quả đo lường. Sử dụng phương pháp hỗn hợp kết hợp khảo sát có cấu trúc (n = 186 học viên) và quan sát lớp học, kết quả cho thấy sự cải thiện có ý nghĩa thống kê trên các chỉ số học tập then chốt. Dữ liệu sau tác động cho thấy 87,6% học viên chuẩn bị bài tốt hơn, điểm tư duy phản biện tăng trung bình 1,42 điểm, và mức hài lòng tổng thể đạt 91,3%. Nghiên cứu đề xuất khung triển khai bốn bước và các kiến nghị cụ thể, gồm xây dựng kho học liệu số dùng chung, chương trình bồi dưỡng năng lực số cho giảng viên, và cơ chế đánh giá linh hoạt. Kết quả khẳng định lớp học đảo ngược là một yêu cầu tất yếu và phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số trong giáo dục đại học hiện nay.
Ngày hoàn thiện:	15/6/2026	
Ngày đăng:	15/6/2026	
TỪ KHÓA		
Lớp học đảo ngược		
Giáo dục lý luận chính trị		
Chuyển đổi số		
Học tập tích cực		
Học viện Cảnh sát Nhân dân		

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.15274>

Email: huyengo1312hvhbc@gmail.com

<http://jst.tnu.edu.vn>

414

Email: jst@tnu.edu.vn

1. Giới thiệu

Cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đang tạo ra những áp lực chuyển đổi sâu sắc đối với hệ thống giáo dục đại học toàn cầu, trong đó Việt Nam không phải ngoại lệ. Đặc biệt, tại các cơ sở đào tạo lực lượng vũ trang như Học viện Cảnh sát Nhân dân (HVCSND), giảng dạy các môn lý luận chính trị (LLCT) không chỉ nhằm truyền thụ tri thức mà còn phải xây dựng bản lĩnh chính trị và đạo đức nghề nghiệp cho thế hệ sĩ quan tương lai [1], [2]. Tuy nhiên, một số nghiên cứu trong nước đã chỉ ra rằng phương pháp thuyết giảng một chiều trong các môn LLCT chưa phát huy được tính chủ động của người học, chưa kích thích được động lực học tập và khả năng vận dụng lý luận vào thực tiễn nghề nghiệp [2], [3].

Mô hình lớp học đảo ngược (flipped classroom) đã thu hút sự chú ý đáng kể từ cộng đồng nghiên cứu giáo dục quốc tế và trong nước như một giải pháp sư phạm đột phá, dựa trên nền tảng lý thuyết học tập tích cực (active learning) và thuyết kiến tạo (constructivism) [1]. Thay vì dành thời gian trên lớp để thuyết giảng lý thuyết - vốn chỉ khai thác các bậc thấp trong thang phân loại Bloom - mô hình này chuyển hoạt động tiếp nhận kiến thức ban đầu sang không gian ngoài lớp thông qua học liệu số, đồng thời dành toàn bộ thời gian trực tiếp cho các hoạt động tương tác, phân tích và giải quyết vấn đề [3]. Nghiên cứu của Phan Thị Hương [4] tại các trường chính trị tỉnh ghi nhận tỷ lệ tham gia học tập tăng tới 40% khi áp dụng nền tảng số, trong khi Đinh Thị Kim Oanh và Nguyễn Hải Nhung [5] xác nhận 85% sinh viên chuẩn bị bài tốt hơn khi sử dụng mô hình đảo ngược.

Mặc dù đã có các nghiên cứu về lớp học đảo ngược trong bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam [3], [5]-[9], khoảng trống nghiên cứu trong môi trường đào tạo công an nhân dân - với những đặc thù về kỷ luật, thời gian sử dụng thiết bị cá nhân và yêu cầu nội dung chính trị đặc thù - vẫn chưa được lấp đầy một cách có hệ thống. Bài báo này nhằm lấp đầy khoảng trống đó thông qua bốn mục tiêu: (1) xây dựng cơ sở lý luận cho việc áp dụng mô hình tại HVCSND; (2) mô tả quy trình triển khai bốn bước; (3) trình bày kết quả khảo sát thực nghiệm trên 186 học viên; và (4) đề xuất các kiến nghị chiến lược phù hợp với lộ trình chuyển đổi số quốc gia [10], [11]. Phần tiếp theo của bài báo được tổ chức theo cấu trúc IMRAD, lần lượt trình bày phương pháp nghiên cứu, kết quả và bàn luận, trước khi đi đến phần kết luận.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu áp dụng phương pháp hỗn hợp (mixed-methods) với thiết kế trước – sau tác động (pre-test – post-test design), kết hợp giữa phân tích định lượng và diễn giải định tính. Thiết kế này được lựa chọn vì khả năng bổ sung lẫn nhau: số liệu định lượng cung cấp bằng chứng về mức độ cải thiện, trong khi dữ liệu định tính làm sáng tỏ cơ chế tác động và trải nghiệm cụ thể của người học. Nghiên cứu được triển khai trong thời gian một học kỳ (15 tuần) tại HVCSND, áp dụng trên học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh dành cho học viên năm thứ hai.

2.2. Mẫu nghiên cứu

Tổng mẫu khảo sát gồm $n = 186$ học viên (tuổi trung bình 21,3; nam 68,3%, nữ 31,7%), được phân ngẫu nhiên thành nhóm thực nghiệm (TN, $n = 93$) và nhóm đối chứng (ĐC, $n = 93$). Nhóm TN học theo mô hình lớp học đảo ngược, trong khi nhóm ĐC tiếp tục theo phương pháp thuyết giảng truyền thống.

2.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Bốn công cụ đo lường được sử dụng kết hợp. Thứ nhất, bảng hỏi Likert 5 mức gồm 30 mục đánh giá mức độ hài lòng và nhận thức của học viên về phương pháp học tập (hệ số Cronbach's Alpha = 0,87, đạt độ tin cậy cao). Thứ hai, rubric đánh giá tư duy phản biện theo thang 10 điểm, được thiết kế dựa trên khung Paul-Elder, đo lường khả năng phân tích, lập luận và đánh giá vấn đề. Thứ ba, nhật ký học tập điện tử trên hệ thống LMS ghi nhận tần suất và thời lượng tương tác

của học viên với học liệu số trước mỗi buổi học. Thứ tư, biên bản quan sát lớp học có cấu trúc ghi nhận các hành vi tham gia tích cực trong giờ thảo luận trực tiếp.

2.4. Quy trình triển khai

Thực nghiệm được triển khai theo bốn bước tuần tự. Bước một là thiết kế hạ tầng học tập số: giảng viên thiết lập môi trường học tập trên Google Classroom kết hợp LMS nội bộ của học viện, đồng thời phổ biến rõ các quy định về thời gian xem video, cách thức phản hồi và tiêu chí đánh giá quá trình. Bước hai là xây dựng học liệu số: mỗi chủ đề LLCT được chuyển đổi thành video bài giảng ngắn 10–15 phút, kèm phiếu học tập và bài kiểm tra trắc nghiệm nhanh (quiz) để học viên hoàn thành trước giờ lên lớp. Bước ba là tổ chức hoạt động tương tác trong giờ học trực tiếp: thời gian trên lớp dành hoàn toàn cho thảo luận nhóm, phân tích tình huống nghiệp vụ và tranh biện chuyên đề dưới sự điều phối của giảng viên. Bước bốn là củng cố và đánh giá sau giờ học: học viên hoàn thành bài thu hoạch ngắn hoặc sơ đồ tư duy tổng kết; giảng viên sử dụng khảo sát trực tuyến thu thập phản hồi để điều chỉnh nội dung cho buổi học tiếp theo.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Cơ sở lý luận của mô hình lớp học đảo ngược

Mô hình lớp học đảo ngược được xây dựng trên ba nền tảng lý luận có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, tạo thành một khung lý thuyết nhất quán cho việc thiết kế và triển khai trong bối cảnh giáo dục đại học.

3.1.1. Lý thuyết học tập tích cực (Active Learning Theory)

Lý thuyết học tập tích cực, được phát triển bởi các nhà giáo dục học như Bonwell và Eison và tiếp tục được hệ thống hóa bởi Freeman và cộng sự, xác định rằng người học tiếp thu kiến thức hiệu quả hơn khi họ tham gia trực tiếp vào quá trình tư duy, thay vì thụ động lắng nghe [1]. Theo nguyên lý này, lớp học đảo ngược loại bỏ sự truyền thụ thông tin một chiều ra khỏi không gian lớp học, thay vào đó tạo điều kiện cho học viên chủ động tương tác với nội dung kiến thức theo tốc độ học tập riêng của từng cá nhân trước khi đến lớp [1], [3]. Trong bối cảnh HVCSND, nguyên lý này có ý nghĩa đặc biệt: thay vì ngồi ghi chép nội dung trong giờ học, học viên đến lớp đã được chuẩn bị sẵn sàng để thảo luận và vận dụng lý luận vào các tình huống nghiệp vụ thực tế.

3.1.2. Thuyết kiến tạo (Constructivism)

Thuyết kiến tạo, bắt nguồn từ Piaget và Vygotsky, khẳng định rằng người học không tiếp nhận kiến thức một cách thụ động mà chủ động kiến tạo hiểu biết thông qua trải nghiệm và tương tác xã hội [1]. Trong mô hình lớp học đảo ngược, nguyên lý này được hiện thực hóa qua hai giai đoạn bổ sung nhau: giai đoạn tự học ở nhà giúp người học xây dựng nền tảng kiến thức cơ bản theo cách riêng của mình, trong khi giai đoạn tương tác tại lớp tạo điều kiện để họ kiểm chứng, bổ sung và hoàn thiện hiểu biết đó thông qua thảo luận với bạn học và giảng viên [3], [7]. Khoảng cách nhận thức (cognitive gap) giữa những gì học viên tự tìm hiểu được và những gì được làm rõ trong thảo luận nhóm chính là động lực tạo ra sự học tập có chiều sâu, đặc biệt hiệu quả với các nội dung lý luận trừu tượng trong các môn LLCT.

3.1.3. Thang phân loại tư duy Bloom (Bloom's Taxonomy)

Thang phân loại nhận thức của Bloom, được Anderson và Krathwohl cập nhật, phân tầng các hoạt động học tập theo sáu bậc từ thấp đến cao: Ghi nhớ, Hiểu, Vận dụng, Phân tích, Đánh giá và Sáng tạo [1]. Đây là nền tảng quan trọng nhất để lý giải tính ưu việt của mô hình đảo ngược: trong lớp học truyền thống, giảng viên sử dụng phần lớn thời gian quý báu trên lớp cho hai bậc thấp nhất (Ghi nhớ và Hiểu), trong khi các bậc cao hơn vốn đòi hỏi tương tác và hướng dẫn trực tiếp lại bị đẩy sang bài tập về nhà khi học viên thiếu sự hỗ trợ của giảng viên. Mô hình lớp học đảo ngược theo logic này: các bậc thấp được thực hiện ở nhà qua video (không cần giảng viên),

còn thời gian trên lớp được dành trọn vẹn cho các bậc cao Phân tích, Đánh giá, Sáng tạo nơi sự có mặt và điều phối của giảng viên tạo ra giá trị không thể thay thế [1], [7].

Sự tích hợp của ba nền tảng lý luận trên tạo ra một khung lý thuyết vững chắc cho mô hình lớp học đảo ngược. Trong bối cảnh đặc thù của HVCSND, mô hình này còn phù hợp với đặc điểm nhận thức của thế hệ Z - nhóm học viên có năng lực tiếp cận công nghệ cao, ưa thích nội dung trực quan và ngắn gọn [10]. Video bài giảng 10–15 phút, kết hợp infographic và ví dụ thực tiễn từ công tác điều tra và xử lý vi phạm pháp luật, đã chứng tỏ khả năng duy trì sự hứng thú vượt trội so với tài liệu in dài hàng chục trang. Hơn nữa, mô hình này tương thích với mục tiêu kép của đào tạo cảnh sát nhân dân: vừa trang bị kiến thức lý luận vững chắc, vừa rèn luyện năng lực phán đoán và xử lý tình huống nhanh nhạy trong thực tế [2].

3.2. Cơ sở thực tiễn

Thực tiễn giáo dục quốc tế và trong nước [1], [3] khẳng định mô hình lớp học đảo ngược (LHDN) là giải pháp đột phá giúp tối ưu hóa việc làm chủ kiến thức thông qua tái phân bổ thời gian học tập. Tại Việt Nam, việc ứng dụng LHDN trong dạy học trực tuyến và lý luận chính trị đã ghi nhận những con số ấn tượng: tỷ lệ học viên tham gia tích cực tăng 40% và cải thiện rõ rệt khả năng tự điều chỉnh tốc độ học tập của người học [4, tr.12]. Đặc biệt, tại các trường lực lượng vũ trang, mô hình này đã chứng minh hiệu quả trong việc chuyển đổi từ truyền thụ một chiều sang tương tác chủ động, đặt người học làm trung tâm [7].

Đối với HVCSND, công tác giáo dục luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao từ Đảng ủy Công an Trung ương, bước đầu tạo ra những chuyển biến tích cực trong việc ứng dụng công nghệ số vào giảng đường. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn tồn tại những hạn chế cần tháo gỡ. Một bộ phận giảng viên chậm đổi mới phương pháp, vẫn nặng về thuyết trình lý thuyết đơn thuần và chưa gắn kết chặt chẽ giữa nội dung giảng dạy với thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm công nghệ cao [12]. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và cơ sở dữ liệu số chưa đồng bộ, dẫn đến việc xây dựng mô hình "nhà trường thông minh" còn gặp nhiều khó khăn [12]. Do đó, việc đổi mới đồng bộ từ nhận thức, năng lực số, phương pháp giảng dạy tích cực của đội ngũ sư phạm đến tăng cường cơ sở vật chất hiện đại là yêu cầu cấp thiết để nâng cao sức hấp dẫn của các môn lý luận chính trị trong giai đoạn hiện nay. Nghiên cứu này lựa chọn mô hình lớp học đảo ngược làm công cụ đổi mới, đảm bảo sự hài hòa giữa chuyển đổi số giáo dục và tính đặc thù trong môi trường đào tạo vũ trang tại HVCSND.

3.3. Kết quả thực nghiệm

3.3.1. Các chỉ số học tập chủ yếu

Sau một học kỳ triển khai thực nghiệm, dữ liệu thu thập từ 186 học viên nhóm TN cho thấy sự cải thiện có ý nghĩa thống kê trên tất cả các chỉ số học tập then chốt. Bảng 1 trình bày so sánh các chỉ số đo lường trước và sau thực nghiệm.

Bảng 1. So sánh các chỉ số học tập của nhóm thực nghiệm trước và sau can thiệp (n = 186)

TT	Chỉ số đánh giá	Sau TN	Trước TN	Chênh lệch
1	Chuẩn bị bài trước giờ học cải thiện rõ rệt	87,6%	78,4%	+9,2%
2	Tích cực tham gia thảo luận nhóm trong giờ học	84,9%	61,3%	+23,6%
3	Điểm tư duy phản biện TB (thang 10)	7,81	6,39	+1,42
4	Năng lực ứng dụng lý luận vào thực tiễn (thang 5)	4,21	3,47	+0,74
5	Hài lòng chung với phương pháp học tập mới	91,3%	-	-
6	Hoàn thành bài kiểm tra trực tuyến trước giờ học	79,5%	-	-
7	Sử dụng thành thạo LMS/ Google Classroom	73,1%	38,2%	+34,9%

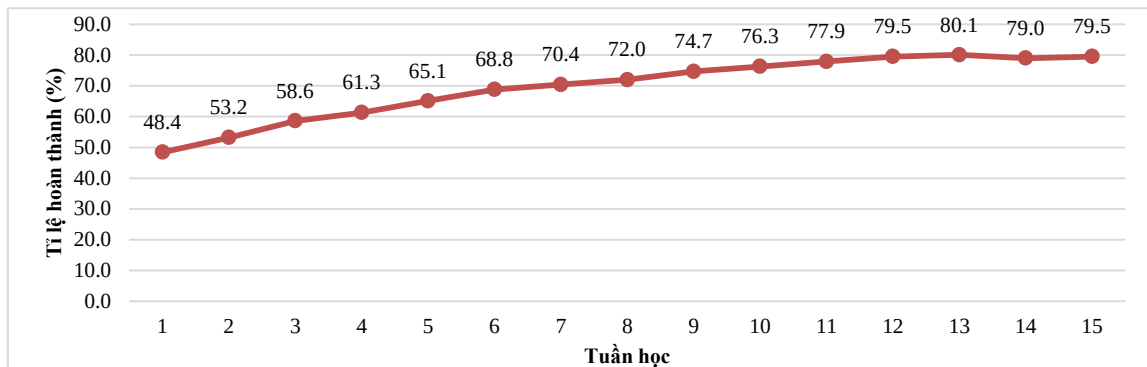
Ghi chú: TN = thực nghiệm; (-) = không thu thập dữ liệu trước can thiệp hoặc chỉ số một chiều; TB = trung bình.

Đáng chú ý nhất là mức tăng 23,6% trong tỷ lệ tham gia thảo luận tích cực - chỉ số phản ánh trực tiếp nhất sự chuyển dịch từ vai trò thụ động sang chủ động của người học. Điểm tư duy phản biện

tăng trung bình 1,42 điểm (từ 6,39 lên 7,81 trên thang 10 điểm) cho thấy năng lực phân tích và lập luận của học viên được củng cố đáng kể - năng lực thiết yếu cho công tác điều tra và xử lý vi phạm trong môi trường an ninh phi truyền thống ngày càng phức tạp [2]. Mức hài lòng tổng thể 91,3% vượt ngưỡng 85% được xác định là chỉ tiêu thành công theo khung đánh giá nội bộ của Học viện.

3.3.2. Sự thay đổi trong thói quen học tập

Phân tích nhật ký học tập điện tử cho thấy 79,5% học viên hoàn thành bài kiểm tra trực tuyến trước giờ học, như vậy, phần lớn học viên đã hình thành được thói quen tự học có trách nhiệm. Tỷ lệ sử dụng thành thạo LMS tăng từ 38,2% lên 73,1% (+34,9%) là bằng chứng rõ ràng về phát triển năng lực số song hành với mục tiêu học tập chuyên môn. Hình 1 thể hiện sự biến động của tỷ lệ hoàn thành bài trực tuyến qua 15 tuần, phản ánh quá trình hình thành dần thói quen tự học trong suốt học kỳ.

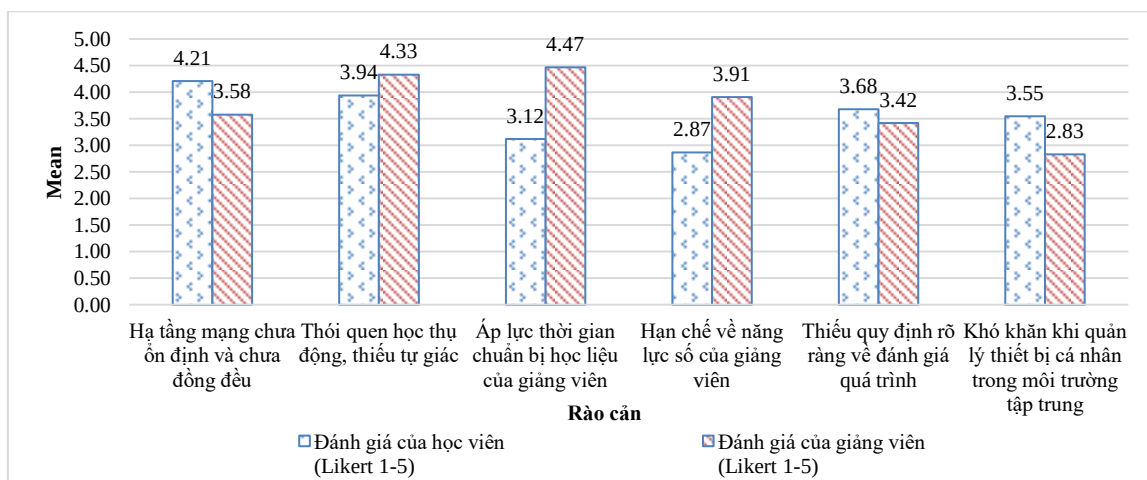


Hình 1. Tỷ lệ học viên hoàn thành bài kiểm tra trực tuyến theo từng tuần học (n = 186)

Về phía giảng viên, toàn bộ 12 người được phỏng vấn đánh giá chất lượng thảo luận lớp học được cải thiện rõ rệt sau khi áp dụng mô hình; 9/12 giảng viên thừa nhận thời gian chuẩn bị học liệu tăng đáng kể trong giai đoạn đầu nhưng có xu hướng giảm dần khi kho học liệu được tích lũy và chia sẻ nội bộ. Điều này xác nhận tính bền vững của mô hình: đầu tư ban đầu cao nhưng tự tối ưu hóa theo thời gian khi được thể chế hóa và hỗ trợ bởi hạ tầng tổ chức phù hợp [7], [13].

3.4. Thách thức và giải pháp

Song song với những kết quả tích cực, quá trình thực nghiệm xác định các rào cản chủ yếu cần được giải quyết một cách hệ thống. Hình 2 tổng hợp mức độ ảnh hưởng của từng rào cản theo đánh giá của học viên và giảng viên.



Hình 2. Mức độ ảnh hưởng của các rào cản chính trong triển khai mô hình (thang Likert 1-5)

Kết quả cho thấy các rào cản trong học tập trực tuyến có mức độ ảnh hưởng khác nhau, phản ánh những thách thức đa chiều của hình thức giáo dục này. Về phía học viên, hạ tầng mạng chưa ổn định được đánh giá là cản trở nghiêm trọng nhất (4,21/5), khiến học viên không thể xem video bài giảng do mạng ký túc xá bị nghẽn - như một giảng viên mô tả: *"Có những buổi sáng hôm sau lên lớp, tôi hỏi thì mới biết một số học viên không xem được video vì mạng tối hôm trước bị nghẽn - điều đó làm hỏng hoàn toàn kế hoạch thảo luận đã chuẩn bị"* (Giảng viên số 3). Về phía giảng viên, áp lực thời gian chuẩn bị học liệu được xếp hạng cao nhất (4,47/5), với mỗi video 12 phút đòi hỏi trung bình 6–8 giờ sản xuất: *"Tôi phụ trách ba học phần, mỗi học phần 15 tuần - nếu mỗi tuần một video thì tôi cần làm 45 video trong một học kỳ. Đó là khối lượng không tưởng nếu làm một mình"* (Giảng viên số 11). Đáng chú ý, thói quen học thụ động là rào cản duy nhất được cả hai nhóm đánh giá ở mức cao (học viên: 3,94; giảng viên: 4,33), trong khi khoảng cách lớn nhất xuất hiện ở năng lực số của giảng viên - học viên đánh giá thấp (2,87) nhưng giảng viên tự nhận thức rõ hơn về giới hạn của mình (3,91): *"Tôi biết dùng PowerPoint và email, nhưng để quay video, dựng phụ đề, tạo quiz trên LMS - đó là một thế giới hoàn toàn khác"* (Giảng viên số 5). Ngoài ra, hai rào cản đặc thù của môi trường vũ trang cũng được ghi nhận: thiếu quy định đánh giá quá trình (học viên: 3,68; giảng viên: 3,42) và khó khăn quản lý thiết bị cá nhân trong môi trường tập trung (học viên: 3,55; giảng viên: 2,83) - trong đó học viên đánh giá rào cản sau cao hơn giảng viên, phản ánh rằng chính học viên là người trực tiếp chịu tác động của các quy định về giới sử dụng thiết bị điện tử.

Sáu rào cản trên không độc lập mà có mối liên hệ nhân quả, đòi hỏi chiến lược can thiệp đồng bộ thay vì xử lý từng vấn đề riêng lẻ. Để giải quyết rào cản hạ tầng, nghiên cứu đề xuất xây dựng kho học liệu nội bộ truy cập qua mạng LAN kết hợp chức năng tải trước nội dung (offline download), loại bỏ sự phụ thuộc vào kết nối Internet thời gian thực. Để giảm áp lực giảng viên, cần thành lập nhóm sản xuất học liệu liên khoa - mỗi giảng viên chỉ chịu trách nhiệm một số chủ đề nhất định rồi chia sẻ chung - đồng thời ghi nhận thời gian sản xuất học liệu vào định mức giờ chuẩn. Năng lực số của giảng viên cần được nâng cao qua chương trình bồi dưỡng ba cấp độ theo hình thức học tập đồng nghiệp (peer learning), hiệu quả hơn so với tập huấn một chiều [14]. Để khắc phục thói quen thụ động, cần thiết kế phiếu học tập có cấu trúc kèm theo mỗi video và quan trọng hơn, ban hành quy định đánh giá quá trình chiếm tối thiểu 40% tổng điểm - vì như một giảng viên thẳng thắn chỉ ra: *"Học viên hỏi thẳng tôi: 'Thầy ơi, xem video có tính điểm không?' Khi tôi nói không, nhiều em bắt đầu bỏ qua bước đó"* (Giảng viên số 9). Cuối cùng, để tháo gỡ rào cản đặc thù của môi trường tập trung, cần thiết lập "giờ học số" chính thức trong thời khóa biểu (ví dụ 20:00–21:30 các tối trong tuần), tạo khung thời gian hợp lệ để học viên hoàn thành nhiệm vụ học tập số mà không vi phạm nội quy đơn vị.

4. Kết luận

Nghiên cứu này đã chứng minh rằng mô hình lớp học đảo ngược là một giải pháp sư phạm khả thi và hiệu quả cho việc hiện đại hóa giáo dục lý luận chính trị tại Học viện Cảnh sát Nhân dân. Kết quả thực nghiệm trên 186 học viên ghi nhận sự cải thiện có ý nghĩa thống kê trên tất cả các chỉ số học tập then chốt: chất lượng chuẩn bị bài tăng 9,2 điểm phần trăm, tỷ lệ tham gia thảo luận tích cực tăng 23,6 điểm phần trăm, điểm tư duy phản biện tăng trung bình 1,42 điểm, và mức hài lòng tổng thể đạt 91,3%. Những con số này không chỉ là bằng chứng định lượng mà còn phản ánh sự chuyển dịch định tính sâu sắc trong văn hóa học tập: từ tiếp nhận thụ động sang kiến tạo chủ động.

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu đề xuất một khung triển khai bốn bước có tính ứng dụng cao cho toàn khối trường công an nhân dân, với ba kiến nghị cốt lõi: (i) xây dựng trung tâm sản xuất và kho học liệu số dùng chung cấp Học viện; (ii) ghi nhận thời gian chuẩn bị học liệu của giảng viên vào định mức giờ chuẩn nhằm tháo gỡ rào cản về tải công việc; và (iii) chuyển đổi cơ cấu đánh giá theo hướng tăng trọng số quá trình (tối thiểu 40%) để tạo động lực tự học bền vững. Các kiến nghị này có thể được tích hợp ngay vào quy chế đào tạo hiện hành mà không đòi hỏi thay đổi cấu trúc chương trình học.

Về mặt lý luận, nghiên cứu đóng góp bằng chứng thực nghiệm bổ sung cho lý thuyết học tập tích cực trong bối cảnh giáo dục quân sự và công an - một lĩnh vực còn thiếu nghiên cứu có hệ thống tại Việt Nam. Đồng thời, việc mô hình đảo ngược phù hợp với cả Quyết định 749/QĐ-TTg [10] và Nghị quyết 52-NQ/TW [11] khẳng định tính chiến lược của nó trong bức tranh chuyển đổi số giáo dục quốc gia. Hướng nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng quy mô sang nhiều học phần LLCT khác, tích hợp phân tích dữ liệu học tập (learning analytics) để cá nhân hóa lộ trình học tập, và khảo sát tác động dài hạn của mô hình đối với năng lực nghề nghiệp của học viên sau khi ra trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] J. Marks, *Flipped Learning: A Guide for Higher Education Faculty*. Stylus Publishing, 2015.
- [2] T. H. Le and K. H. Nguyen, "Reforming political theory teaching methods in People's Police academies," *Vietnam Journal of Educational Sciences*, vol. 18, no. 5, pp. 21-28, 2022.
- [3] T. Do and C. K. Hoang, "Application of the flipped classroom model in online teaching at Hung Vuong University," *Journal of Science and Technology, Hung Vuong University*, vol. 19, no. 2, pp. 37-45, 2020.
- [4] T. H. Phan, "Digital transformation in teaching political theory in Vietnam's provincial political schools," *Educational Policy Analysis and Strategic Research*, vol. 18, no. 3, pp. 45-62, 2023.
- [5] T. K. O. Dinh and H. N. Nguyen, "Applying the flipped classroom model in teaching statistics content," *Vietnam Journal of Education*, vol. 20, no. 8, pp. 99-105, 2023.
- [6] T. N. Nguyen, "Perceptions of the flipped classroom model in speaking classes: A case study," *European Journal of Education Studies*, vol. 10, no. 4, pp. 112-130, 2023.
- [7] D. Hoai and A. Viet, "The flipped classroom model at the Military Political Academy," *Nhan Dan Military Newspaper*, 2023. [Online]. Available: <https://www.qdnd.vn/giao-duc-khoa-hoc/nha-truong-quan-doi/mo-hinh-lop-hoc-dao-nguoc-o-hoc-vien-chinh-tri-802615>. [Accessed Mar. 01, 2026].
- [8] T. T. T. Nguyen, T. H. Dang, and V. M. Nguyen, "Combining flipped classroom and GeoGebra software in teaching mathematics," *Mathematics Teaching-Research Journal*, vol. 15, no. 4, pp. 78-96, 2023.
- [9] Q. V. Nguyen and T. M. T. Le, "Designing question systems in the flipped classroom model," *Vocational Education Journal*, no. 71, pp. 34-39, 2022.
- [10] Vietnam Government, *Decision No. 749/QĐ-TTg on the National Digital Transformation Program to 2025*. Hanoi: Office of the Government, 2020.
- [11] Vietnam Communist Party Central Committee, *Resolution No. 52-NQ/TW on Vietnam's Proactive Participation in the Fourth Industrial Revolution*. Hanoi: Central Committee, 2019.
- [12] V. T. Nguyen and V. T. Cao, "Innovating political theory teaching methods in People's Public Security academies and universities during the Fourth Industrial Revolution," *People's Police Academy*, 2024. [Online]. Available: <https://hvcsnd.edu.vn/doi-moi-phuong-phap-giang-day-ly-luan-chinh-tri-o-cac-hoc-vien-truong-dai-hoc-cong-an-nhan-dan-trong-cach-mang-cong-12371>. [Accessed Mar. 01, 2026].
- [13] T. L. Tran, "Active learning strategies in Vietnamese higher education: A systematic review," *Asia-Pacific Education Researcher*, vol. 32, no. 1, pp. 45-58, 2023.
- [14] T. T. Nguyen and V. L. Hoang, "Students' digital literacy in Vietnamese universities: Challenges and implications," *Journal of Information Technology Education*, vol. 22, pp. 215-234, 2023.